

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 289/2025/DS-PT
Ngày: 12 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhật Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Anh – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1056/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 848/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Minh H, sinh năm 1972; cư trú tại: Số B, đường H, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là số B, đường H, khu phố C, phường T, tỉnh Tây Ninh), (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh Lê Phước Ý, sinh năm 1995; cư trú tại: số D, đường B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là số D, đường B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh), (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Đặng Thanh S, sinh năm 1964; cư trú tại: Số nhà H, hẻm E, đường P, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là Số nhà H, hẻm E, đường P, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh), (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Huỳnh Văn Â, sinh năm 1969, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn R, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T, (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Cụ Trần Kim L, sinh năm 1933 (chết ngày 27/5/2021);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ L đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:

+ Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1962; cư trú tại: số F, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số F, ấp H, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), (vắng mặt);

+ Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1966; cư trú tại: số A, hẻm B, đường N, khu phố C, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là số A, hẻm B, đường N, khu phố C, phường T, tỉnh Tây Ninh), (vắng mặt);

+ Bà Đặng Thị Mai T1, sinh năm 1970; cư trú tại: số D, đường N, khu phố C, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là số D, đường N, khu phố C, phường T, tỉnh Tây Ninh), (vắng mặt);

+ Bà Đặng Bích N, sinh năm 1959; cư trú tại: số A, đường P, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là số A, đường P, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh), (vắng mặt);

+ Ông Đặng Văn K, sinh năm 1952; cư trú tại: B C, MA02466, (vắng mặt);

+ Bà Đặng Thị Kim V, sinh năm 1955, (vắng mặt);

+ Bà Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1957, (vắng mặt);

Bà V, bà Đ cùng cư trú tại: A wirevine In Houston T, Hoa Kỳ;

+ Bà Đặng Thị Ngọc M, sinh năm 1974; cư trú tại: B N, CA 91311 C, USA (Hoa Kỳ), (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà C, bà T1 và bà M: Anh Diệp Văn C1, sinh năm 1987; cư trú tại: Số E đường số B B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là số E đường số B B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh), (có mặt);

+ Bà Cao Thị Thanh V1, sinh năm 1966; cư trú tại: Số nhà H, hẻm E, đường P, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là số nhà H, hẻm E, đường P, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh), (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà V1: ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1969, (có mặt).

+ Ủy ban nhân dân thành phố T;

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ: số C, đường C, phường T, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

+ Anh Đặng Đức A, sinh năm 1995; chị Đặng Hồng N1, sinh năm 1996; cư trú cùng địa chỉ: Số nhà H, hẻm E, đường P, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là số nhà H, hẻm E, đường P, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh), (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Đặng Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Cao Thị Thanh V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Cha bà H là cụ Đặng Văn H2 (chết năm 1998) mẹ là cụ Trần Kim L, (chết ngày 27-5-2021) chung sống có 10 người con gồm: Bà Đặng Thị Minh H, Ông Đặng Thanh S, ông Đặng Văn H1, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Kim V, bà Đặng Thị Ngọc D, bà Đặng Thị Ngọc M; không có con riêng, con nuôi. Hai cụ chết không để lại di chúc, để lại di sản là phần nhà đất có diện tích 659,8 m² thửa 87, tờ bản đồ 68 và căn nhà trên đất tọa lạc tại số H, hẻm E, đường P, Khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Phần nhà đất này 02 cụ mua của ông Nguyễn Văn K1 vào năm 1969, sử dụng ổn định cho đến khi cụ H2 chết, cụ L vẫn tiếp tục quản lý. Hiện phần nhà đất tranh chấp do ông S bà V quản lý, sử dụng. Đối với tài sản trên đất: Trước đây nhà của cụ H2, cụ L xây dựng. Năm 1999, ông Đặng Văn K có cho tiền cụ L xây nhà mới để ở và thờ cúng. Năm 2000, cụ L đi Mỹ thì căn nhà do bà T1 và ông S cùng vợ là bà V quản lý sử dụng. Năm 2014, ông S và bà V dọn đi ở nơi khác, căn nhà do cụ L và bà T1 quản lý. Tháng 3/2014, ông K sửa chữa lại ngôi nhà, đổ đất thêm, làm nhà mát (mái che), hàng rào, và mua sắm một số vật dụng có giá trị trong nhà cho cụ L. Đến năm 2016, vợ chồng ông S trở về và đem hết đồ đạc của bà T1 và cụ L bỏ ra đường, đuổi cụ L và bà T1 ra khỏi nhà vì cho rằng ông bà đã được cấp giấy CNQSDĐ. Ông S, bà V cùng các con ở trên đất tranh chấp cho đến nay.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Đặng Văn H2 theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-5-2020, người đại diện theo pháp luật của cụ Trần Kim L (cụ L bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 29/2019/QĐST-VDS ngày 23-8-2019) có đơn khởi kiện độc lập đối với bị đơn: Yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ H2 theo quy định của pháp luật và công nhận ½ tài sản của cụ L trong khối tài sản chung với cụ H2 là của cụ L.

Ngày 27-5-2021, cụ L chết. Ngày 12-10-2021, bà H có đơn khởi kiện bổ sung:

Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Kim L theo pháp luật đối với nhà, đất nêu trên cho những người thừa kế của cụ H2, cụ L, yêu cầu được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia bằng giá trị; các anh chị em đồng ý nhận chung 01 phần thừa kế bằng hiện vật để đủ điều kiện tách thửa theo quy định của Nhà nước. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18-7-2006 (cấp lại ngày 08-10-2014) cho ông Đặng Thanh S, bà Cao Thị Thanh V1 đứng tên. Ngoài ra, không yêu cầu chia phần tài sản nào khác.

Nguyên đơn yêu cầu không tính công sức gìn giữ quản lý di sản cho bị đơn vì trong thời gian ông S, bà V1 quản lý nhà đất thì cụ L cùng với bà T1 cũng sinh sống tại nhà đất này. Từ năm 2016 đến nay, do ông S, bà V1 có hành vi đuổi cụ L ra khỏi nhà nên nguyên đơn xác định bị đơn chiếm giữ di sản chứ không phải quản lý di sản.

Trước khi đi Mỹ, cụ L làm giấy ủy quyền giao nhà cho tất cả các người con chứ không phải ủy quyền cho riêng ông S.

Bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Ông S thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống, thời gian cụ H2, cụ L chết. Tài sản của cha mẹ ông tạo lập được gồm 02 phần nhà đất: 01 phần nhà đất diện tích 659,8 m² thửa 87, tờ bản đồ 68 tại số H P, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh do ông quản lý, sử dụng; 01 phần nhà đất tại số A N, khu phố C, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, vì nhà đất tranh chấp ông được cụ L và các anh chị em trong gia đình viết giấy ủy quyền cho quản lý, sử dụng khi xuất cảnh đi nước ngoài và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đúng quy định. Đối với phần nhà đất tại số A N, Khu phố C, Phường B, thành phố T đây mới là di sản của cha mẹ ông chưa chia. Trường hợp nguyên đơn yêu

cầu chia thừa kế thì ông chỉ đồng ý chia phần nhà đất này. Tuy nhiên, ông không phản tố yêu cầu chia căn nhà này, sẽ khởi kiện ở một vụ án khác.

Các tài sản trên đất gồm: Nhà, hàng rào, cổng, do ông K tự ý xây dựng, sửa chữa không thông báo cho ông biết, cũng không ai yêu cầu ông K phải làm. Năm 2016, ông đã bỏ tiền để sửa chữa nhà, mái che phía sau, đổ đất thêm để làm đường đi ra vô, chi phí khoảng 100.000.000 đồng. Các chứng từ về việc mua vật liệu xây dựng vào năm 2016, ông đã làm thất lạc không cung cấp cho Tòa án được. Nguyên đơn cho rằng ông đuổi cụ L ra khỏi nhà là không đúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, T1, M, bà C trình bày:

Thông nhất với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn và có cùng yêu cầu như nguyên đơn; yêu cầu được chia di sản bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì nhận bằng giá trị, ưu tiên cho bà T1 được nhận đất vì bà T1 không có chỗ ở.

Về giấy ủy quyền của cụ L: Nội dung ủy quyền thể hiện cụ L chỉ ủy quyền cho ông S quản lý căn nhà, bị đơn cho rằng việc ủy quyền của cụ L là tặng cho nhà và đất là không đúng; giấy ủy quyền này cũng không đúng quy định pháp luật vì không có ông K, ông H1 ký tên. Cụ L đi Mỹ từ năm 2000, đi theo diện 06 tháng ở Mỹ, 06 tháng ở Việt Nam; đến 2012, cụ L về Việt Nam sinh sống đến khi chết, phía bị đơn cho rằng cụ L đi định cư ở Mỹ nên phải ủy quyền tài sản là không đúng.

Ông Đặng Văn H1 trình bày: Ông H1 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống, thời gian cụ H2, cụ L chết, người thừa kế của cụ L cụ H2, di sản cha mẹ để lại. Cụ H2, cụ L chết không để lại di chúc. Căn nhà trên đất do ông K xây dựng và sửa chữa cho mẹ. Ông S tự ý làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ là không đúng. Ông không ký tên vào “tờ ủy quyền” nhưng có nghe mẹ ông nói có làm tờ ủy quyền cho tất cả các con được ở khi mẹ ông được ông K bảo lãnh sang Mỹ, mẹ ông không chia đất cho bất cứ người con nào. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, ông nhận di sản bằng giá trị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Cao Thị Thanh V1 trình bày:

Thông nhất với ý kiến của ông Đặng Thanh S và người bảo vệ quyền lợi và hợp pháp của ông S.

Anh Đặng Đức A, chị Đặng Hồng N1 trình bày: Anh, chị là con của ông S, bà V1, sinh sống cùng cha, mẹ trên nhà, đất tranh chấp từ khi sinh ra đến nay. Anh chị không yêu cầu gì trong vụ án này. Tài sản trên đất là do cha mẹ anh, chị

sửa chữa, nâng cấp, yêu cầu Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà, đất cha mẹ anh chị được bà nội tặng cho và sinh sống ổn định không ai tranh chấp.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố T, tỉnh Tây Ninh trình bày:

UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H02297/P1, ngày 18/7/2006, cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ số CH03331 ngày 08/10/2014 cho ông S, bà V1 thừa đất số 87, tờ bản đồ số 68, diện tích 659,8m² tọa lạc tại khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là đúng với trình tự thủ tục quy định Luật Đất đai. UBND thành phố T không đồng ý yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên của nguyên đơn.

+ Kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ hiện trạng đất tranh chấp và Chứng thư thẩm định giá số 3708/22/CER.VVALUES ngày 18-7-2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3, thể hiện như sau:

Đất tranh chấp diện tích đo đạc thực tế là 680,2 m², thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, trị giá 4.548.924.027 đồng. Nhà cấp 4 và hàng rào xung quanh đất trị giá 279.458.577 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 4.864.382.604 đồng.

- Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong phần tranh luận:

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Phần đất tranh chấp cụ L đã kê khai đăng ký và có tên trong sổ mục kê nên đây là di sản của cụ L, cụ H2. Việc uỷ quyền của cụ L là để giao tài sản cho ông S quản lý khi đi nước ngoài, không phải tặng cho.

- *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*

Ông S thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ H2, cụ L tạo lập. Cha mẹ mua đất và các con cùng ở, nhưng chị em sau này có gia đình ra ở riêng, chỉ còn một mình ông S ở chung.

Cụ Đặng Văn H2 chết năm 1998, đến năm 2000 và Trần Kim L được người con trai Đặng Văn K bảo lãnh rước sang định cư tại Mỹ. Khi đi định cư ở nước ngoài thì phải là người không còn tài sản ở Việt Nam, nếu có tài sản phải uỷ quyền lại cho người khác. Vì vậy bà Trần Kim L mới uỷ quyền nhà đất lại cho ông Đặng Thanh S được quyền ở vĩnh viễn, văn bản này là văn bản chính thức tặng cho ông S có các anh chị em cùng ký tên và ông S quản lý, sử dụng đến năm 2003 kê khai đăng ký, nhà nước xác nhận nguồn gốc đất của cha mẹ ông S đã cho ông S, ông S đã quản lý, sử dụng, kê khai đăng ký nên hợp pháp và được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02297/P1, ngày 18/7/2006, thửa đất số 87, tờ bản đồ số 68, diện tích 659,8m² tọa lạc tại khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Trong khoảng thời gian 3 năm từ khi đăng ký đến khi được cấp giấy, anh chị em ông S không ai tranh chấp.

Năm 2013, ông S mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp mới theo giấy CNQSDĐ. Đến thời điểm này cũng không ai tranh chấp. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 vì cha mẹ ông S chỉ có giấy tay mua bán nhà đất, ngoài ra không có các loại giấy tờ gì, chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Ủy ban Nhân dân thành phố T đã có Công văn số 767/UBND ngày 19/5/2023 xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S và bà V1 là đúng trình tự, thủ tục quy định Luật Đất đai năm 2003.

Ngoài ra, theo các Án lệ số 03/2016, 32/2020, 35/2020:

Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng nhà kiên cố trên đất đó để làm nơi ở. Khi người con xây nhà cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì. Vợ chồng người con đã sử dụng nhà đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất.

Đất có nguồn gốc do cá nhân khai phá, nhưng sau đó xuất cảnh, định cư ở nước ngoài và người khác quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài. Trong quá trình sử dụng đất người này đã tôn tạo đất, xây dựng nhà ổn định, đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp này phải xác nhận cá nhân khai phá đất không còn quyền sử dụng đất hợp pháp nên việc yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất là không có cơ sở để chấp nhận.

Người Việt Nam trước khi đi định cư ở nước ngoài đã giao lại đất nông nghiệp cho người ở trong nước sử dụng đất đó ổn định, lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp này phải xác định người ở trong nước có quyền sử dụng đất hợp pháp, Tòa án không chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất.

Như vậy, ông S có đủ căn cứ để được công nhận QSDĐ hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ *Người đại diện theo uỷ quyền của bà N, bà T1, bà C trình bày:* Cụ H2 chết năm 1998 nên phát sinh thừa kế của cụ H2, cụ L không có quyền tặng cho

ông S toàn bộ tài sản. Cụ L chỉ uỷ quyền cho ông S quản lý nhà, không uỷ quyền về đất, nội dung Giấy uỷ quyền không có nội dung nào thể hiện cụ Lang T2 cho nhà đất cho ông S. Pháp luật cũng không quy định khi cụ L đi định cư ở nước ngoài thì bắt buộc phải không còn tài sản ở Việt Nam. Án lệ luật sư của nguyên đơn dẫn chứng không liên quan đến vụ án này. Đất cụ L đã đăng ký trong sổ mục kê; căn nhà trên đất ông S cũng thừa nhận ông K xây dựng cho cụ L, không phải của vợ chồng ông S. Cụ L đã chết nên việc uỷ quyền cũng chấm dứt theo quy định của pháp luật. Giấy uỷ quyền không có chữ ký của ông H1, ông K nên không có giá trị pháp lý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ 623, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 477, khoản 2 Điều 153, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 165, Điều 217, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tiểu mục 1.2 mục 1 Phần II của Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 06/2016/AL; Điều 12, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Kim L (do bà Đặng Bích N đại diện theo pháp luật).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đặng Thị Minh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Đặng Văn H1, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N, bà Đặng Thị Ngọc M “tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với bị đơn, ông Đặng Thanh S.

- Di sản của cụ Đặng Văn H2 và cụ Trần Kim L là: Quyền sử dụng đất diện tích thực tế 680,2 m², trong đó có 200 m² đất ODT thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; căn nhà cấp 4 và hàng rào gắn liền với đất.

- Chia cho bà Đặng Thị Minh H, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N diện tích đất 232,5 m² (trong đó có 68,36 m² ODT) và hàng rào trên đất hướng tây, nam, bắc. Đất có tứ cận :

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 87 (phần chia cho ông S) dài 28,6 m

Hướng Tây giáp thửa 239 dài 29,16 m

Hướng Nam giáp đường bê tông dài 7,6 m

Hướng Bắc giáp thửa 74 dài 8,52 m.

Bà N2, bà H, bà C, bà T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông S giá trị cây trên đất gồm 3 cây dừa có thân có trái, 01 cây xoài 10 năm tuổi, 01 cây ổi 3 năm tuổi, 01 cây sơ-ri, 03 bụi chuối, tổng trị giá 4.128.300 (bốn triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm) đồng.

- Chia cho ông Đặng Thanh S diện tích đất 447,7 m² (trong đó có 131,64 m² loại đất ở đô thị, còn lại là đất vườn) và tài sản gắn liền với đất gồm nhà cấp 4 trị giá 243.219.576 đồng, cổng + hàng rào hướng bắc, đông. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 88, dài 27,8 m

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 87, thửa 74 (phần chia cho Bà N2, bà H, bà C, bà T1) dài 28,6 m + 0,92 m + 0,31 m.

Hướng Nam giáp đường bê tông dài 16,56 m

Hướng Bắc giáp thửa 74, 73 dài 3,26 + 6,62 + 5,02 m.

(Các thửa đất có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

- Ông Đặng Thanh S có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản cho: Ông Đặng Văn H1, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Kim V, bà Đặng Thị Ngọc Đ, bà Đặng Thị Ngọc M mỗi người số tiền 462.106.372 (bốn trăm sáu mươi hai triệu, một trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm bảy mươi hai) đồng; thanh toán cho bà H, bà N2, bà C, bà M mỗi người số tiền 66.474.925 (sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng.

Giao suất thừa kế của ông K, bà V, bà Đ cho bà H quản lý, bà H có nghĩa vụ giao lại khi ông K, bà V, bà Đ có yêu cầu.

3. Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số H02297/P1, ngày 18/7/2006, cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ số CH03331 ngày 08/10/201 do ông Đặng Thanh S, bà Cao Thị Thanh V1 đứng tên. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận QSDĐ cho đương sự theo bản án này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2023, bị đơn ông Đặng Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Thanh V1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Đặng Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Thanh V1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Văn Á trình bày: Bà L trước khi đi Mỹ đã ủy quyền cho ông S quyền quản lý và có hạn chế

một số quyền, được các con đồng ý. Mặc dù việc này không được cơ quan có thẩm quyền chứng thực nhưng đây là ý kiến của bà L. Ông S đã thực hiện đúng quyền của mình, cần đánh giá đơn xin xác nhận về tờ ủy quyền cho các con trước khi đi Mỹ. Điều này có nghĩa chấm dứt quyền của cụ L. Người kháng cáo đề nghị thay đổi nội dung kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông S hưởng 2 kỷ phần vì có công gìn giữ quản lý, cho ông S hưởng 2 kỷ phần bằng đất để tạo điều kiện cho ông S có đất để ở.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Lê Phước Ý trình bày: Theo đơn xin xác nhận thì bà L ủy quyền cho 9 người, nay bà L chết thì ủy quyền này không còn giá trị. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S và bà Thanh V1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2, bà C, bà T1, bà M - Ông Diệp Văn C1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S và bà Thanh V1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đồng thời bản án sơ thẩm đã chia thừa kế theo quy định pháp luật bảo đảm quyền, lợi ích cho các bên đương sự. Ông S bà V1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới so với các chứng cứ đã cung cấp tại cấp sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị bác kháng cáo của ông S bà V1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đương sự trong vụ án thống nhất thừa nhận nhà đất đang tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 680,2 m², thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc do cụ

Đặng Văn H2, cụ Trần Kim L tạo lập từ năm 1969. Cụ H2, cụ L cùng các con sinh sống tại nhà đất này. Thửa đất được cụ L đăng ký tại Sở đăng ký ruộng đất năm 1989, thửa số 257, tờ bản đồ 02, do đó đây là tài sản chung của cụ H2, cụ L.

Cụ H2, cụ L có 10 người con là bà Đặng Thị Minh H, ông Đặng Thanh S, ông Đặng Văn H1, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Kim V, bà Đặng Ngọc Đ, bà Đặng Thị Ngọc M.

Năm 1998 cụ H2 chết, cụ L tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất. Năm 1999, cụ L xây lại nhà mới, làm hàng rào, cổng; toàn bộ chi phí do con trai là ông Đặng Văn K bỏ ra. Đến năm 2000, cụ L được ông K bảo lãnh định cư tại Mỹ. Nhà đất do vợ chồng ông Đặng Thanh S, bà Cao Thị Thanh V1 quản lý, sử dụng. Năm 2016, ông S có sửa chữa lại mái che, đổ đất làm đường đi.

[2] Bị đơn ông Đặng Thanh S kháng cáo cho rằng vào năm 2000, khi cụ L làm thủ tục đi định cư tại Mỹ, cụ L và các anh chị em trong gia đình đã viết giấy ủy quyền cho ông S được toàn quyền quản lý, sử dụng đối với nhà đất nêu trên. Ngày 18/7/2006, UBND thành phố T đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H02297/P1 và sau đó cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ số CH03331 ngày 08/10/2014 (do ông S làm mất giấy chứng nhận cũ) cho vợ chồng ông S, bà Thanh V1 đối với nhà và đất. Do đó, nhà đất này là tài sản của vợ chồng ông S, bà Thanh V1; không còn là di sản của cụ H2, cụ L.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, tại “Đơn xin xác nhận về việc Tờ ủy quyền của mẹ cho các con trước khi đi nước ngoài” vào năm 2000 của cụ L có nội dung: “...Cụ L ủy quyền căn nhà cho 09 người con ở Việt Nam, trong đó, cho ông S được ở vĩnh viễn, không được bán, không được cho thuê hoặc cho người lạ mặt vào ở...”

Như vậy, cụ L chỉ làm giấy ủy quyền giao nhà cho ông S để ở, quản lý; không giao quyền định đoạt tài sản cho ông S, ông S không được quyền bán, cho thuê... Do đó việc ông S trình bày cụ L đã tặng cho ông S toàn bộ nhà đất nói trên là không có cơ sở để chấp nhận, không đúng với ý chí của cụ L thể hiện tại giấy ủy quyền. Tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, ông S khai nguồn gốc đất cho mẹ tặng cho là không đúng thực tế. Do đó, việc UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận cho vợ chồng ông S, bà Thanh V1 là không đúng đối tượng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là di sản của cụ H2, cụ L, từ đó hủy giấy chứng nhận đã cấp cho vợ chồng ông S, bà Thanh V1 và tiến hành chia thừa kế đối với di sản của cụ H2, cụ L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Theo lời trình bày của các đương sự thì khi còn sống, vào năm 1999, cụ L xây lại nhà mới, làm hàng rào, cổng; toàn bộ chi phí do con trai là ông Đặng Văn K bỏ ra. Đến năm 2000, cụ L được ông K bảo lãnh định cư tại Mỹ. Nhà đất do vợ chồng ông S, bà Thanh V1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 2016, ông S có sửa chữa lại mái che, đổ đất làm đường đi.

Chính ông S cũng trình bày: các tài sản trên đất gồm nhà, hàng rào, cổng, do ông K tự ý xây dựng, sửa chữa, không thông báo cho ông S biết, cũng không ai yêu cầu ông K phải làm. Năm 2016, ông S đã bỏ tiền để sửa chữa nhà, mái che phía sau, đổ đất thêm để làm đường đi ra vô, chi phí khoảng 100.000.000 đồng. Các chứng từ về việc mua vật liệu xây dựng vào năm 2016, ông đã làm thất lạc không cung cấp được cho Tòa án.

Như vậy, vợ chồng ông S, bà Thanh V1 được sinh sống trên phần nhà đất của cha mẹ; khi ông S vào ở thì trên phần đất đã có sẵn nhà, do cụ L xây dựng; toàn bộ diện tích khuôn viên nhà đất cũng được cụ L xây hàng rào bao bọc, không có căn cứ cho thấy nếu không có công sức gìn giữ của ông S thì diện tích nhà đất có thể bị lấn chiếm hay mất đi giá trị sử dụng. Việc ông S sửa chữa nhà, mái che, đổ đất làm đường đi... là nhằm mục đích phục vụ cho quá trình sử dụng nhà đất, cho cuộc sống hàng ngày của gia đình ông S. Ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông đã bỏ ra chi phí để sửa chữa, xây dựng, cải tạo đối với nhà đất.

Tuy nhiên, do không có kháng cáo đối với phần công sức mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cho ông S; các đồng thừa kế của cụ H2, cụ L cũng đồng ý phân quyết định của bản án sơ thẩm tính công sức quản lý, gìn giữ di sản cho ông S nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét phần này.

[5] Các đồng thừa kế là bà Đặng Thị Minh H, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N có yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật và yêu cầu được nhận chung một phần đất để đủ diện tích tách thửa theo quy định, bà T1 hiện nay cũng chưa có chỗ ở. Do phần đất hiện còn trống chiều ngang mặt tiền là 7,6 m, mặt hậu 8,52 m nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao phần này cho bà N, bà H, bà C, bà T1 đồng sử dụng; phần còn lại có căn nhà của vợ chồng ông S đang ở nên tiếp tục giao cho ông S sở hữu, sử dụng, ông S có nghĩa vụ thanh toán lại cho các thừa kế khác phần giá trị chênh lệch. Quyết định này của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định.

Ngoài ông S, bà Thanh V1 kháng cáo không đồng ý chia thừa kế thì các đương sự còn lại trong vụ án không có kháng cáo, đều đồng ý với quyết định của án sơ thẩm đối với số tiền ông S có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông S và bà Thanh V1. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Tại cấp phúc thẩm, ông S có đơn xin được miễn nộp án phí sơ thẩm, phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy do ông S là người cao tuổi và có đơn nộp cho Tòa án nên ông S được miễn nộp án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

Bà Thanh V1 phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 623, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; tiểu mục 1.2 mục 1 Phần II của Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 06/2016/AL;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Thanh V1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Kim L (do bà Đặng Bích N đại diện theo pháp luật).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Minh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H1, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N, bà Đặng Thị Ngọc M.

- Xác định di sản của cụ Đặng Văn H2 và cụ Trần Kim L là Quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 680,2 m², trong đó có 200 m² đất loại đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cùng căn nhà cấp 04 và hàng rào gắn liền với đất.

- Chia cho bà Đặng Thị Minh H, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N phần đất có diện tích 232,5 m² (trong đó có 68,36 m² loại đất ở đô thị) và hàng rào trên đất hướng tây, nam, bắc. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 87 (phần chia cho ông S) dài 28,6m;

Hướng Tây giáp thửa 239 dài 29,16m;

Hướng Nam giáp đường bê tông dài 7,6m;

Hướng Bắc giáp thửa 74 dài 8,52m.

Bà N2, bà H, bà C, bà T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Thanh S giá trị cây trồng trên đất gồm 03 cây dừa có thân có trái, 01 cây xoài 10 năm tuổi, 01 cây ổi 03 năm tuổi, 01 cây sơ-ri, 03 bụi chuối, tổng trị giá 4.128.300 (bốn triệu một trăm hai mươi tám nghìn ba trăm) đồng.

- Chia cho ông Đặng Thanh S phần diện tích đất 447,7 m² (trong đó có 131,64 m² loại đất ở đô thị, còn lại là đất vườn) và tài sản gắn liền với đất gồm một căn nhà cấp 04 trị giá 243.219.576 đồng, cổng và hàng rào hướng bắc, đông. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 88, dài 27,8m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 87, thửa 74 (phần chia cho Bà N2, bà H, bà C, bà T1) dài 28,6m + 0,92m + 0,31m;

Hướng Nam giáp đường bê tông dài 16,56m;

Hướng Bắc giáp thửa 74, 73, dài 3,26 + 6,62 + 5,02m.

(Các thửa đất có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

- Ông Đặng Thanh S có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản cho: Ông Đặng Văn H1, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Kim V, bà Đặng Ngọc Đ, bà Đặng Thị Ngọc M mỗi người số tiền 462.106.372 (bốn trăm sáu mươi hai triệu một trăm lẻ sáu nghìn ba trăm bảy mươi hai) đồng; thanh toán cho bà Đặng Thị Minh H, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N mỗi người số tiền 66.474.925 (sáu mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi lăm) đồng.

Giao suất thừa kế của ông K, bà V, bà Đ cho bà H quản lý, bà H có nghĩa vụ giao lại khi ông K, bà V, bà Đ khi có yêu cầu.

3. Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số H02297/P1, ngày 18/7/2006, được cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ số CH03331 ngày 08/10/2014 do ông Đặng Thanh S, bà Cao Thị Thanh V1 đứng tên.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận QSDĐ cho đương sự theo bản án này.

4. Chi phí tố tụng:

4.1. Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Các ông bà Đặng Thanh S, ông Đặng Văn H1, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Kim V, bà Đặng Ngọc Đ, bà Đặng Thị Ngọc M mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho bà Đặng Thị Minh H số tiền 3.557.500 (ba triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

4.2. Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Các ông bà Đặng Thanh S, ông Đặng Văn H1, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, bà Đặng Bích N, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Kim V, bà Đặng Ngọc Đ, bà Đặng Thị Ngọc M mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn phải trả lại cho bà Hằng số tiền 2.146.270 (hai triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi) đồng.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị Minh H, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Mai T1, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị Kim V, bà Đặng Ngọc Đ, bà Đặng Thị Ngọc M mỗi người phải chịu 22.484.254 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp 5.000.000 đồng tại các biên lai số 0000024 ngày 26/10/2021 và biên lai số 0007088 ngày 28/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà H còn phải nộp 17.484.254 (mười bảy triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi bốn) đồng.

- Ông Đặng Văn H1, bà Đặng Bích N, ông Đặng Thanh S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đặng Thanh S được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Cao Thị Thanh V1 phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000761 ngày 23/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Đương sự (14);
- Lưu VP(6), HS(2), 27b. (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Minh